

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 41/2013/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2013

THÔNG TƯ**Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện**

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện sản xuất, lắp ráp trong nước và nhập khẩu.

2. Thông tư này không áp dụng đối với:

a) Xe đạp điện được sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

b) Xe đạp điện nhập khẩu, tạm nhập khẩu với số lượng 01 chiếc không nhằm mục đích thương mại.

c) Xe mô tô điện, xe gắn máy điện thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông

vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy và Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, kinh doanh, kiểm tra, thử nghiệm, quản lý và chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Xe đạp điện* (sau đây gọi chung là Xe) là Xe đạp hai bánh, được vận hành bằng động cơ điện một chiều hoặc được vận hành bằng cơ cấu đạp chân có trợ lực từ động cơ điện một chiều, có công suất động cơ lớn nhất không lớn hơn 250W, có vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 25 km/h và có khối lượng bản thân (bao gồm cả ắc quy) không lớn hơn 40kg.

2. *Xe cùng kiểu loại* là các Xe của cùng một chủ sở hữu công nghiệp, cùng nhãn hiệu, thiết kế và các thông số kỹ thuật, được sản xuất trên cùng một dây chuyền công nghệ.

3. *Chứng nhận chất lượng kiểu loại Xe* là quá trình kiểm tra, thử nghiệm, xem xét, đánh giá và chứng nhận sự phù hợp của một kiểu loại Xe với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành về chất lượng an toàn kỹ thuật.

4. *Cơ quan quản lý chất lượng*: Cục Đăng kiểm Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải là Cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng an toàn kỹ thuật đối với các Xe thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này (sau đây gọi tắt là Cơ quan QLCL).

5. *Cơ sở thử nghiệm* là tổ chức có đủ điều kiện và được chỉ định để thực hiện việc thử nghiệm Xe theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

6. *Cơ sở sản xuất* là doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp Xe có đủ điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật theo quy định.

7. *Cơ sở nhập khẩu* là tổ chức, cá nhân thực hiện việc nhập khẩu Xe.

8. *Cơ sở kinh doanh* là tổ chức, cá nhân thực hiện việc phân phối Xe trên thị trường.

9. *Mẫu thử nghiệm* là mẫu điển hình do Cơ sở sản xuất tự lựa chọn hoặc mẫu do Cơ quan QLCL lấy ngẫu nhiên để thực hiện việc thử nghiệm.

10. *Xe bị lỗi kỹ thuật* là Xe có lỗi trong quá trình thiết kế, sản xuất, lắp ráp có khả năng gây nguy hiểm đến an toàn tính mạng và tài sản của người sử dụng cũng như gây ảnh hưởng xấu đến an toàn và môi trường của cộng đồng.

11. *Triệu hồi Xe* là việc Cơ sở sản xuất, nhập khẩu thu hồi các Xe thuộc lô, kiểu loại Xe bị lỗi kỹ thuật mà họ đã cung cấp ra thị trường nhằm sửa chữa, thay thế phụ tùng hay thay thế bằng Xe khác để ngăn ngừa các nguy hiểm có thể xảy ra do các lỗi trong quá trình thiết kế, sản xuất, lắp ráp Xe.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT

Điều 4. Thử nghiệm mẫu

1. Các yêu cầu an toàn kỹ thuật và phương pháp thử được quy định tại Quy chuẩn QCVN 68:2013/BGTVT *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xe đạp điện*.

2. Cơ sở sản xuất, Cơ sở nhập khẩu có trách nhiệm chuyển mẫu thử nghiệm tới địa điểm thử nghiệm. Cơ sở thử nghiệm có trách nhiệm thử nghiệm mẫu theo đúng quy trình tương ứng với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; lập báo cáo kết quả thử nghiệm theo mẫu quy định và chịu trách nhiệm về các kết quả thử nghiệm của mình. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan QLCL trực tiếp giám sát việc thử nghiệm.

3. Quản lý mẫu thử nghiệm

a) Sau khi thử nghiệm và lập báo cáo kết quả thử nghiệm, Cơ sở thử nghiệm trả mẫu và báo cáo kết quả thử nghiệm cho Cơ sở sản xuất, Cơ sở nhập khẩu;

b) Cơ sở sản xuất phải thực hiện lưu mẫu điển hình không ít hơn 01 năm, kể từ ngày Cơ sở sản xuất không tiếp tục sản xuất, lắp ráp các Xe cùng kiểu loại. Cơ sở sản xuất có trách nhiệm quản lý mẫu điển hình sao cho không để ảnh hưởng của các yếu tố môi trường làm hư hỏng mẫu và có thể xuất trình khi có yêu cầu của Cơ quan QLCL.

Điều 5. Đăng ký chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật

1. Hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật Xe sản xuất, lắp ráp bao gồm:

a) Bản đăng ký thông số kỹ thuật theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

b) Bản chính Báo cáo kết quả thử nghiệm Xe của Cơ sở thử nghiệm;

c) Bản mô tả quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng Xe;

d) Hướng dẫn sử dụng, Xe trong đó có các thông số kỹ thuật chính, cách thức sử dụng các thiết bị của Xe, hướng dẫn về an toàn cháy nổ và bảo vệ môi trường; Phiếu bảo hành Xe (ghi rõ điều kiện và địa chỉ các cơ sở bảo hành);

đ) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đầu tư phù hợp đối với Cơ sở sản xuất lần đầu tiên sản xuất, lắp ráp Xe;

e) Bản cam kết của Cơ sở sản xuất về việc kiểu loại Xe đề nghị chứng nhận không xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đang được bảo hộ và doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu có xảy ra xâm phạm;

g) Bản mô tả nhãn hàng hóa, bao gồm: kích thước, nội dung và vị trí gắn trên Xe. Nhãn hàng hóa phải thể hiện ít nhất các nội dung sau: Tên, địa chỉ Cơ sở sản xuất; nhãn hiệu; số loại; khối lượng bản thân; số người cho phép chở; công suất động cơ; số giấy chứng nhận kiểu loại được phê duyệt; năm sản xuất; xuất xứ.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật Xe nhập khẩu bao gồm:

a) Bản đăng ký kiểm tra chất lượng xe đạp điện nhập khẩu (sau đây gọi tắt là Bản đăng ký kiểm tra) theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao chụp chứng từ nhập khẩu có xác nhận của Cơ sở nhập khẩu bao gồm: Tờ khai hàng hóa nhập khẩu, hóa đơn thương mại hoặc các giấy tờ tương đương liên quan tới giá trị hàng hóa;

c) Tài liệu giới thiệu tính năng kỹ thuật Xe của nhà sản xuất, trong đó thể hiện các thông số chủ yếu về: Kích thước, khối lượng, số người cho phép chở, vận tốc lớn nhất, cỡ lốp, công suất lớn nhất của động cơ, điện áp và dung lượng của ắc quy, khoảng cách chạy liên tục.

Trường hợp tài liệu giới thiệu tính năng kỹ thuật về Xe của nhà sản xuất chưa đủ nội dung quy định tại điểm c khoản này thì Cơ sở nhập khẩu sử dụng Bản đăng ký thông số kỹ thuật theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Đối với các Xe cùng kiểu loại đã được Cơ quan QLCL kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận chất lượng nhập khẩu thì được miễn Tài liệu giới thiệu tính năng kỹ thuật Xe của nhà sản xuất.

d) Bản mô tả nhãn hàng hóa bao gồm kích thước, nội dung và vị trí gắn trên Xe. Nhãn hàng hóa phải thể hiện ít nhất các nội dung sau: Tên, địa chỉ Cơ sở sản xuất; Tên, địa chỉ Cơ sở nhập khẩu; nhãn hiệu; số loại; khối lượng bản thân; số người cho phép chở; công suất động cơ; năm sản xuất; xuất xứ.

Điều 6. Kiểm tra chất lượng Xe sản xuất, lắp ráp

Việc kiểm tra chất lượng đối với Xe sản xuất, lắp ráp được thực hiện trên cơ sở đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng tại Cơ sở sản xuất (sau đây gọi tắt là đánh giá COP).

1. Cơ sở sản xuất phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có quy trình và hướng dẫn nghiệp vụ sản xuất, lắp ráp, kiểm tra chất lượng cho từng kiểu loại Xe từ khâu kiểm soát chất lượng linh kiện đầu vào, kiểm tra

chất lượng trên từng công đoạn và xuất xưởng để đảm bảo các chỉ tiêu về an toàn và tính năng kỹ thuật của Xe;

b) Có đủ các thiết bị kiểm tra cần thiết cho từng công đoạn sản xuất phù hợp với quy trình sản xuất, lắp ráp đã đề ra;

c) Có đủ nguồn nhân lực thực hiện việc sản xuất và kiểm tra chất lượng phù hợp với quy trình sản xuất, lắp ráp đã đề ra.

2. Nội dung đánh giá COP:

a) Quy trình và hướng dẫn nghiệp vụ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng: kiểm tra linh kiện đầu vào, kiểm tra trên từng công đoạn, kiểm tra xuất xưởng;

b) Trang thiết bị kiểm tra chất lượng;

c) Nguồn nhân lực thực hiện việc kiểm tra chất lượng.

3. Các hình thức đánh giá COP:

a) Đánh giá COP lần đầu được thực hiện khi cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho Xe;

b) Đánh giá COP hàng năm được thực hiện định kỳ hàng năm;

c) Đánh giá COP đột xuất được thực hiện khi Cơ sở sản xuất có dấu hiệu vi phạm các quy định liên quan đến việc kiểm tra chất lượng hoặc khi có các khiếu nại về chất lượng Xe;

Đối với các kiểu loại Xe tương tự, không có sự thay đổi cơ bản về quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng Xe thì có thể sử dụng kết quả đánh giá COP trước đó.

Điều 7. Kiểm tra chất lượng Xe nhập khẩu

1. Phương thức và nội dung kiểm tra

a) Kiểm tra tổng quát tính đồng nhất của lô Xe;

b) Lấy mẫu ngẫu nhiên trong lô Xe, số lượng mẫu phụ thuộc vào số lượng Xe trong lô và được quy định như sau:

TT	Số lượng Xe cùng kiểu loại trong lô hàng (đơn vị: chiếc)	Số lượng mẫu kiểm tra, thử nghiệm (đơn vị: chiếc)
1	Đến 100	01
2	Từ 101 đến 500	02
3	Trên 500	03

c) Kiểm tra nhận dạng Xe mẫu;

d) Thử nghiệm Xe mẫu theo các nội dung quy định tại Điều 4 của Thông tư này;